TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NHƠN TRẠCH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2020/HNGĐ-ST.
Ngày: 29/5/2020.
V/v: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƠN TRẠCH - TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hường

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Điệp
2. Bà Trần Thanh Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch tham gia phiên tòa: Bà Đặng Vân Hoàng Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 114/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2020 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 349/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Lê Văn H, sinh năm 1993.
HKTT: Ấp N, xã N1, huyện H1, tỉnh Bạc Liêu.
- *Bị đơn*: Chị Lý Thùy T, sinh năm 1987.
HKTT: Ấp V, xã L, huyện N2, tỉnh Đồng Nai.

(Anh H, chị T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, văn bản ý kiến và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn - anh Lê Văn H trình bày*:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Lý Thùy T xây dựng gia đình vào năm 2016, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện N2, tỉnh Đồng Nai. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, sinh sống

cùng cha mẹ vợ tại ấp V, xã L, huyện N2. Nhưng đến khoảng tháng 7 năm 2017, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nên hay cãi vã nhau. Từ ngày 05/7/2017 đến nay vợ chồng đã sống ly thân, anh về nhà cha mẹ ruột sinh sống tại ấp N, xã N1, huyện H1, tỉnh Bạc Liêu. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên Lê Hoàng B, sinh ngày 13/02/2017, hiện con đang sống cùng chị T. Ly hôn anh đồng ý giao con cho chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh yêu cầu được cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 (một triệu) đồng, vì hiện nay anh phải phụng dưỡng cha mẹ trên 60 tuổi trong khi thu nhập của anh mỗi tháng là 6.000.000 đồng, không có khoản thu nhập khác.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Anh H yêu cầu vắng mặt trong suốt quá trình tiến hành tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa xét xử, từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án.

* *Tại bản tự khai ngày 19/3/2020 bị đơn - chị Lý Thùy T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Văn H là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện N2, tỉnh Đồng Nai năm 2016. Trong quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian đến khoảng tháng 7 năm 2017 thì mâu thuẫn xảy ra kéo dài, vợ chồng hay cãi nhau và sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay anh H xin ly hôn chị đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên Lê Hoàng B, sinh ngày 13/02/2017, hiện con đang sống cùng chị do chị trực tiếp nuôi dưỡng, nên anh H yêu cầu chị tiếp tục nuôi dưỡng con chung thì chị đồng ý và yêu cầu anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 4.000.000 (bốn triệu) đồng/1tháng.

Chị T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt tại tòa án, từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Các tài liệu, chứng cứ trong vụ án: Đơn khởi kiện ly hôn; chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu của anh H; giấy trích lục kết hôn; trích lục khai sinh của cháu Lê Hoàng B; đơn bổ sung ý kiến, đơn xác nhận về thu nhập thực tế, đơn xác nhận về hoàn cảnh gia đình, đơn yêu cầu không hòa giải của anh H; hóa đơn mua sữa và yến sào cho cháu B; bản sao kê về lương từ ngày 01/9/2019 đến ngày 12/4/2020 của chị T; bản tự khai và đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt tại tòa án của các đương sự; biên bản xác minh tại địa phương; thủ tục phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Các tình tiết các bên thống nhất: Anh H yêu cầu được ly hôn với chị T, giao chị T tiếp tục nuôi dưỡng cháu B, chị T có ý kiến đồng ý.

Các tình tiết các bên không thống nhất:

Về cấp dưỡng nuôi con: anh H yêu cầu được cấp dưỡng nuôi cháu B mỗi tháng 1.000.000 (một triệu) đồng, chị T yêu cầu anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 4.000.000 (bốn triệu) đồng/1tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Các bên khai không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch: Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Xét quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị T là quan hệ hôn nhân hợp pháp, vợ chồng có mâu thuẫn trầm trọng, đã sống ly thân không hàn gắn đoàn tụ được nên yêu cầu ly hôn là có căn cứ pháp luật. Có 01 con chung tên Lê Hoàng B, sinh ngày 13/02/2017.

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho anh H ly hôn chị T. Về con chung: chấp nhận yêu cầu về việc giao chị T tiếp tục nuôi dưỡng cháu B của anh H, anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu B 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng/1tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Anh H và chị T đều có yêu cầu vắng mặt trong suốt quá trình tiến hành tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh H, chị T.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị T tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện N2, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 06 ngày 29/02/2016 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn vợ chồng đã không còn sống chung nhà từ tháng 7 năm 2017 đến nay, vợ chồng sống ly thân không thể hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt, chị T cũng có ý kiến đồng ý ly hôn với anh H.

Như vậy, có đủ cơ sở xác định anh Hl, chị T đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh H, xử cho anh H được ly hôn với chị T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Anh H và chị T có 01 con chung là cháu Lê Hoàng B, sinh ngày 13/02/2017. Hiện cháu B đang sinh sống cùng chị T tại ấp V, xã L, huyện N2, tỉnh Đồng Nai. Anh H đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống tại ấp N, xã N1, huyện H1, tỉnh Bạc Liêu, đồng ý giao con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và chị T đồng ý nuôi dưỡng con chung. Hơn nữa, hiện tại chị T có nơi ở và có nghề nghiệp, mức thu nhập ổn định, thời gian qua chị T đảm bảo việc nuôi con tốt. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự, xử giao con chung là cháu Lê Hoàng B cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng: Anh H yêu cầu được cấp dưỡng nuôi cháu B mỗi tháng 1.000.000 (một triệu) đồng, vì hiện nay anh phải phụng dưỡng cha mẹ trên 60 tuổi trong khi thu nhập của anh mỗi tháng là 6.000.000 đồng, không có khoản thu nhập khác.

Chị T yêu cầu anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu B 4.000.000 (bốn triệu) đồng/1tháng.

Xét thấy, tại hồ sơ vụ án đã thể hiện: Nghề nghiệp của anh H là làm tài xế cho cơ sở 2 của chành xe Nhân (Phước Long – Bạc Liêu) tại ấp N3, thị trấn P huyện P, tỉnh Bạc Liêu từ tháng 7 năm 2019 cho đến nay, mức thu nhập hàng tháng trung bình 6.000.000 (sáu triệu) đồng/tháng, việc anh H yêu cầu cấp dưỡng nuôi cháu B mỗi tháng 1.000.000 (một triệu) đồng và chị T yêu cầu anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu B 4.000.000 (bốn triệu) đồng/1tháng là không phù hợp theo quy định tại Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên không có cơ sở chấp nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự đều khai không có nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Anh Lê Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm về ly hôn và 300.000 đồng án phí về cấp dưỡng nuôi con.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 228, 238, 271và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các điều 56, 81, 82, 83, 84 và Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Án phí, Lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn H về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" đối với chị Lý Thùy T, xử cho anh Lê Văn H được ly hôn chị Lý Thùy T.

Về con chung: Giao con chung tên Lê Hoàng B, sinh ngày 13/02/2017 cho chị Lý Thùy T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lê Văn H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu B 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng/1tháng.

Sau khi ly hôn, anh H, chị T có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Anh H có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con không ai được ngăn cản. Khi cần thiết các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

Nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt theo quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh H không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nêu trên thì hàng tháng anh H còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm cấp dưỡng theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm cấp dưỡng tại thời điểm thanh toán.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Anh Lê Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm về ly hôn và 300.000 đồng án phí về cấp dưỡng nuôi con, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0000115 ngày 25/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch, anh H còn phải tiếp tục nộp số tiền 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Anh Lê Văn H và chị Lý Thùy T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND h. Nhơn Trạch;
- Chi cục THADS h. Nhơn Trạch;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

- UBND xã L
GCNKH số 06 ngày 29/02/2016;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Hường